

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2026/DS-ST
Ngày 30 – 01 – 2026
V/v tranh chấp HĐMB tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Trường
- Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 628/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt S, sinh năm 1977; Căn cước công dân số 096077008972, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 1, xã C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã Nguyễn Việt K, huyện P, tỉnh Cà Mau nay là ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Bà Trịnh Bích V, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã Nguyễn Việt K, huyện P, tỉnh Cà Mau nay là ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.3. Anh Lê Hải N, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 096093006082, cấp ngày 20/3/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã Nguyễn Việt K, huyện P, tỉnh Cà Mau nay là ấp Cái Đồi Nhỏ B, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Việt S (nguyên đơn) trình bày:

Vào ngày 03/01/2023, ông Lê Thanh T cùng vợ là bà Trịnh Bích V có mua một điện thoại SamSung và còn nợ anh số tiền 7.700.000 đồng. Đồng thời, vợ chồng ông T có ký giấy nhận nợ cam kết đến ngày 03/02/2023 sẽ thanh toán số tiền trên. Đến ngày 22/9/2023, vợ chồng ông T cùng anh Lê Hải N (con của vợ chồng ông T) tiếp tục mua một điện thoại Iphone 12 Pro max cùng phụ kiện và nợ lại anh số tiền 25.200.000 đồng, việc nợ bà V cùng anh N có ký vào giấy nhận nợ, cam kết thanh toán vào ngày 22/10/2023. Tổng hai khoản vợ chồng ông T, anh N nợ anh số tiền 32.900.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông T và anh N chỉ trả được 05 lần vào các ngày 25/10/2023, 23/01/2024, 03/4/2024, 18/01/2025, 23/3/2025 với tổng số tiền trả được là 20.900.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Mặc dù, anh đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T và anh N vẫn không trả. Hiện vợ chồng ông T và anh N còn nợ lại anh số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nên anh yêu cầu vợ chồng ông T cùng anh N trả một lần hết số tiền nợ nêu trên cùng lãi suất chậm trả tính từ ngày 23/3/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, anh S không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Lê Thanh T, anh Lê Hải N và bà Trịnh Bích V (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng ông T, bà V và anh N không đến Toà cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt S (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Riêng nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền mua điện thoại di động hiệu SamSung, Iphone 12 Pro max cùng phụ kiện. Tuy việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng mua bán nhưng thực tế bị đơn đã nhận tài sản, trả một phần tiền khi mua tài sản cho nguyên đơn và cùng ký tên vào biên nhận ngày 03/01/2023, ngày 22/9/2023 nợ nguyên đơn các khoản với tổng số tiền 32.900.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh.

[3] Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không có lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào các biên nhận nợ nêu trên cùng lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn đã trả được số tiền nợ là 20.900.000 đồng và hiện còn nợ lại nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy tại biên nhận viết ngày 03/01/2023 thể hiện việc bị đơn cam kết trả số tiền nợ vào ngày 03/02/2023 và tại

biên nhận ngày 22/9/2023, bị đơn cam kết trả số tiền nợ vào ngày 22/10/2023. Tuy bị đơn vi phạm thời hạn cam kết trả nợ nhưng kể từ khi hết thời hạn cam kết, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả được 05 lần vào các ngày 25/10/2023, 23/01/2024, 03/4/2024, 18/01/2025, 23/3/2025 với tổng số tiền 20.900.000 đồng. Do đó, ngày vi phạm được xác định là ngày 23/3/2025 nên yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả từ ngày 23/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/01/2025) là 10 tháng 07 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, cụ thể số tiền lãi của nguyên đơn được tính như sau: (10 tháng 07 ngày x 12.000.000 đồng) x 10%/năm = 1.233.333 đồng, làm tròn 1.233.000 đồng.

[5] Với nhận định tại mục [3] và [4], tổng số tiền vốn và lãi nguyên đơn được chấp nhận là 13.233.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

[6] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt S.

Buộc ông Lê Thanh T, anh Lê Hải N cùng bà Trịnh Bích V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Việt S các khoản với tổng số tiền là 13.233.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Việt S có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lê Thanh T cùng bà Trịnh Bích V, anh Lê Hải N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh T cùng anh Lê Hải N, bà Trịnh Bích V phải chịu số tiền 661.600 đồng (sáu trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng - chưa nộp).

Anh Nguyễn Việt S không phải chịu. Ngày 04/12/2025, anh S đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 368.075 đồng (ba trăm sáu mươi tám nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005874 được trả lại toàn bộ cho anh S.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân